CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Ngày 31/12/2024	10,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.2%	**3.0%**	**-6.4%**

DT thuần
Q4/24
32.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.50| -9.5%
YoY: ▲ 11.1| 51.4%

LN thuần
Q4/24
-0.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.10| -122%
YoY: ▼3.06| -144%

LN sau thuế
Q4/24
-1.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.27| -160%
YoY: ▼4.22| -188%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
4.8%
YoY: +/-▼ 1.6%

ROE
2024
1.4%
YoY: +/-▼ 0.3%

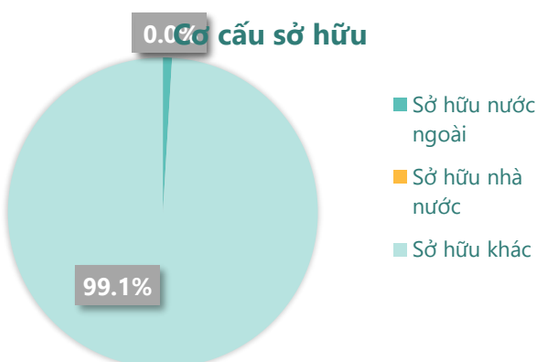
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,300 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
Số lượng CPLH (CP)	18,661,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,980
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.46
EPS	242
P/E	42.6

DT thuần
2024
123
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.7| 30.6%

LN thuần
2024
7.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.94| 32.6%

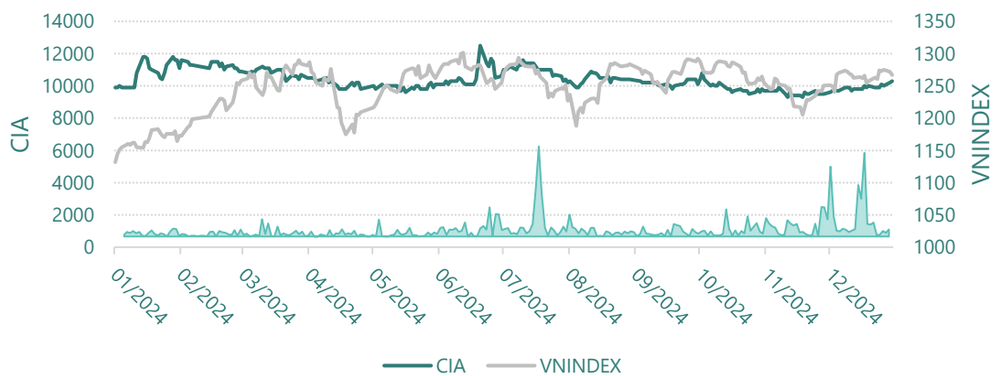
LN sau thuế
2024
4.52
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.97| -17.7%

Cơ cấu sở hữu

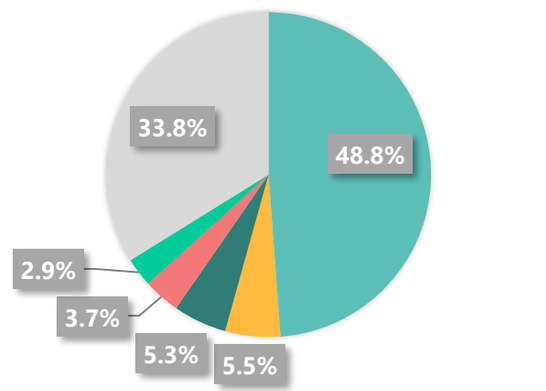


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



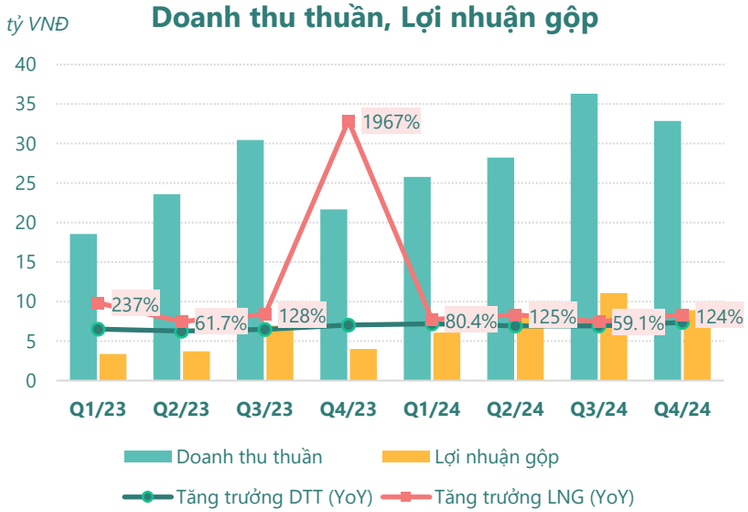
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

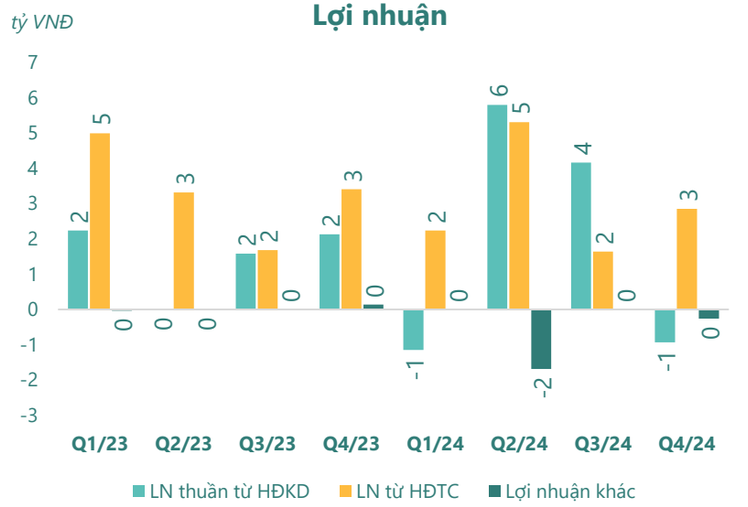
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



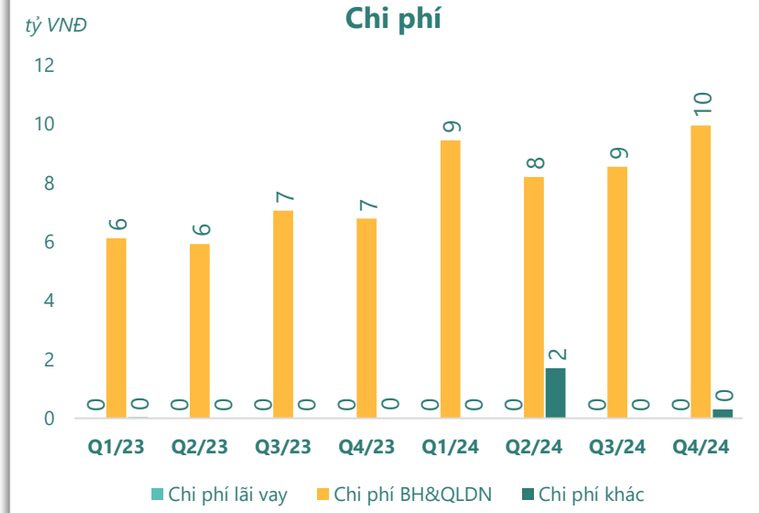
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



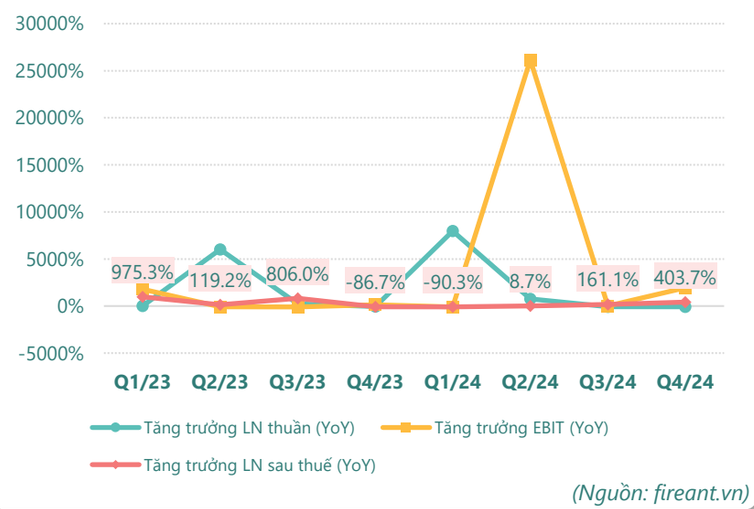
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



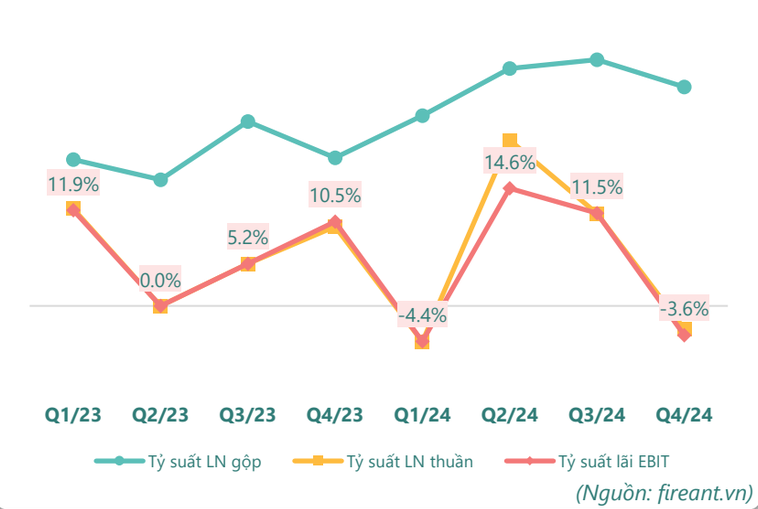
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



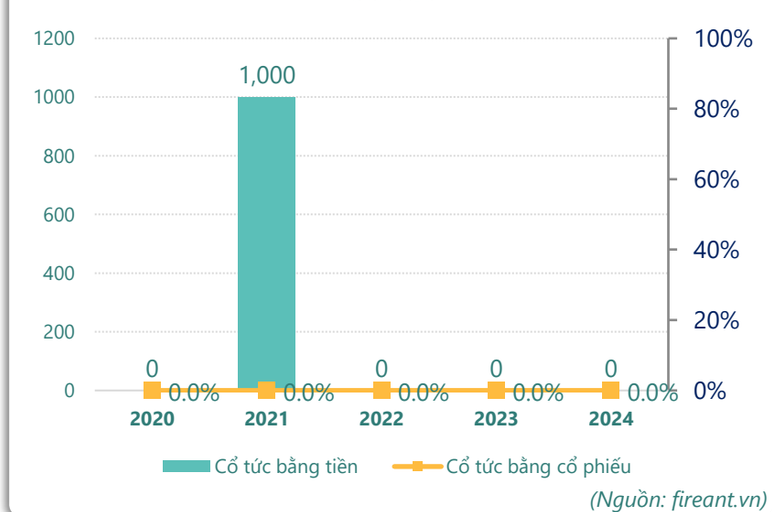
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

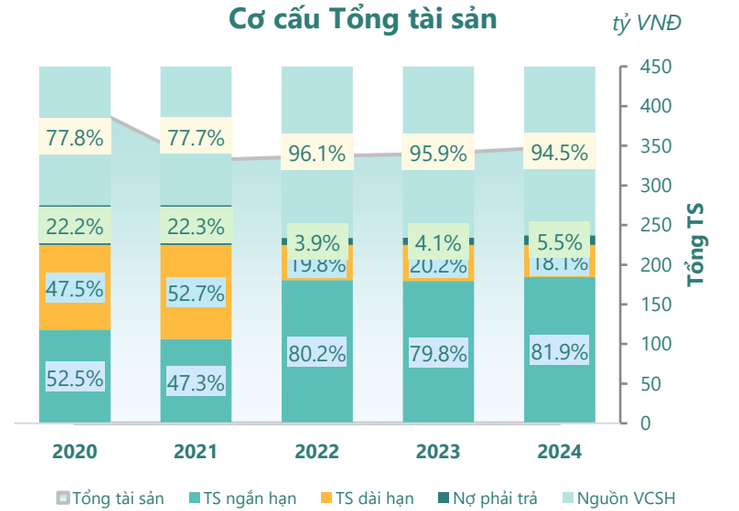
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

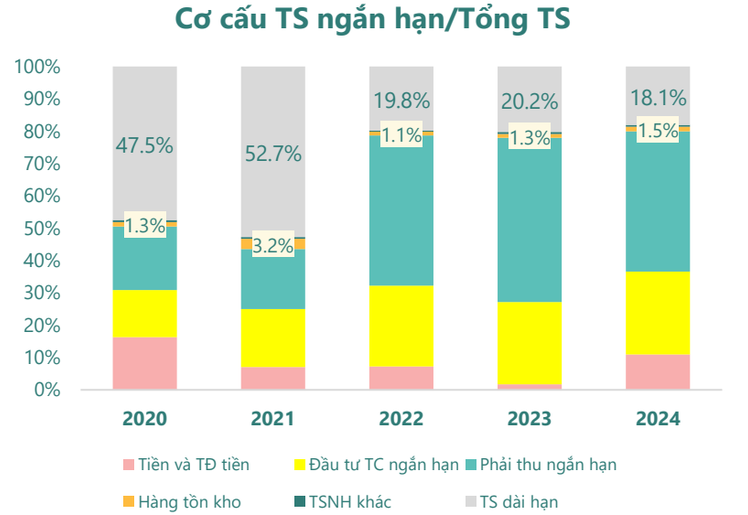
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



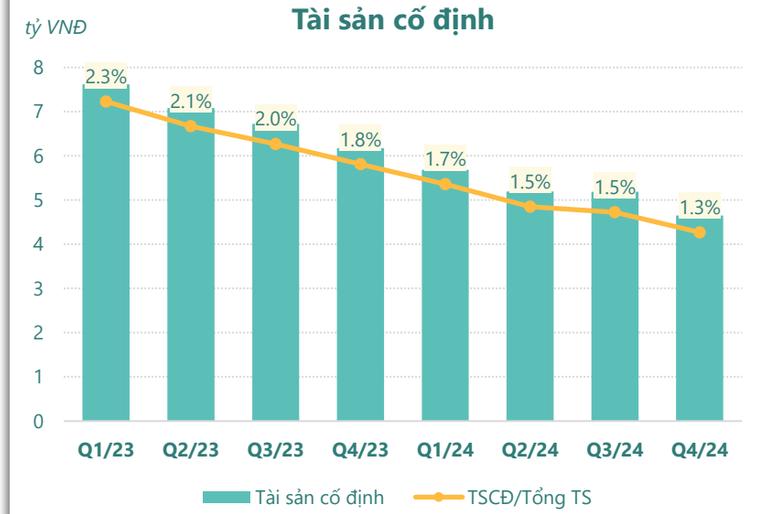
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



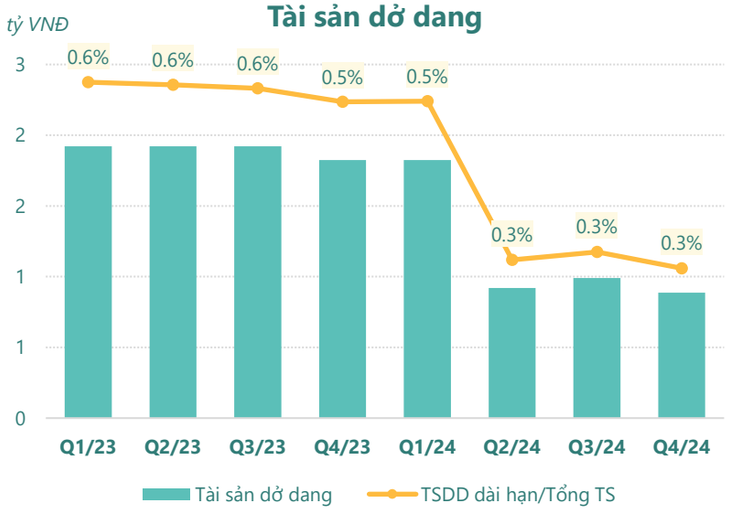
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



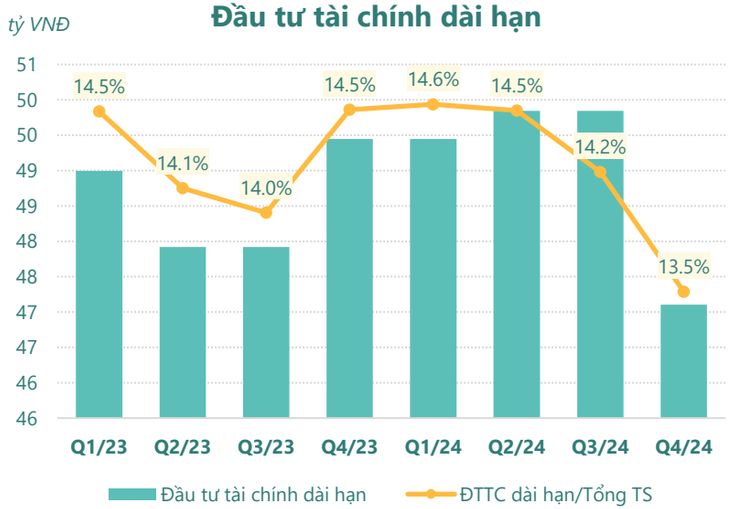
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



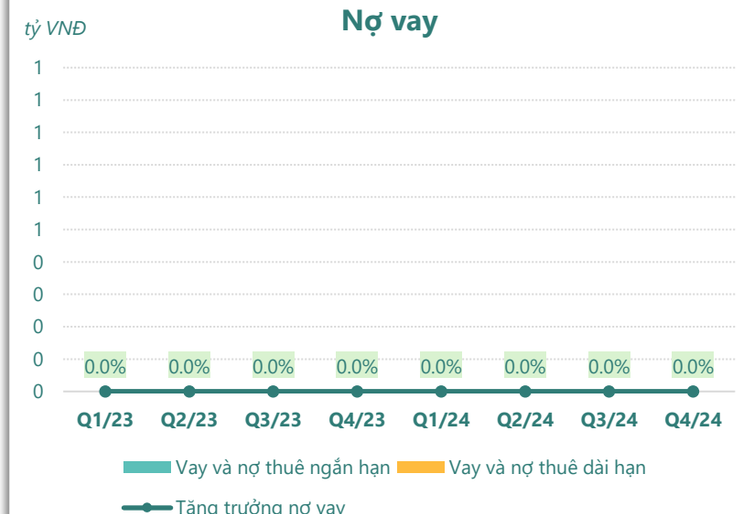
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

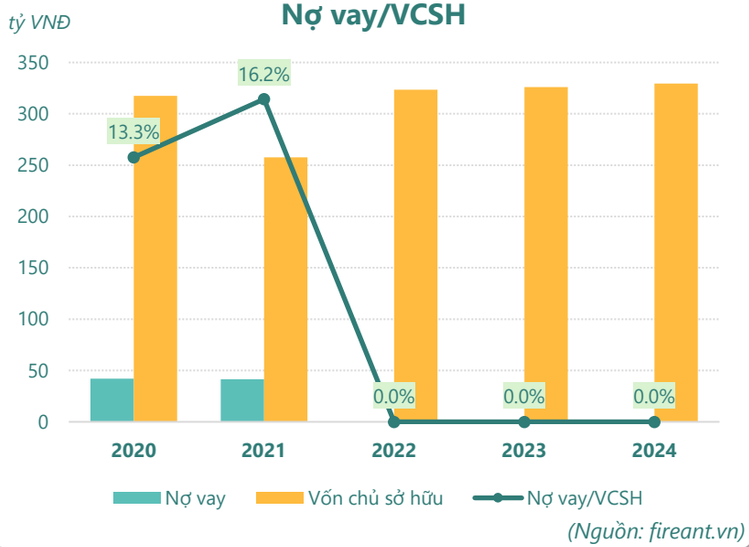
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

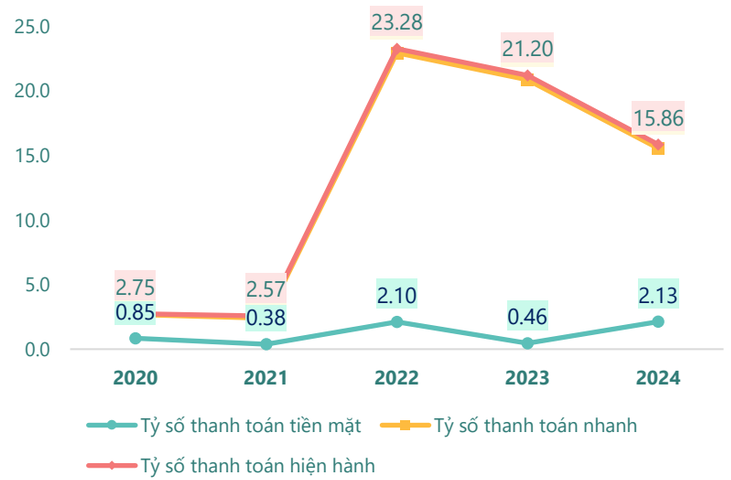
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



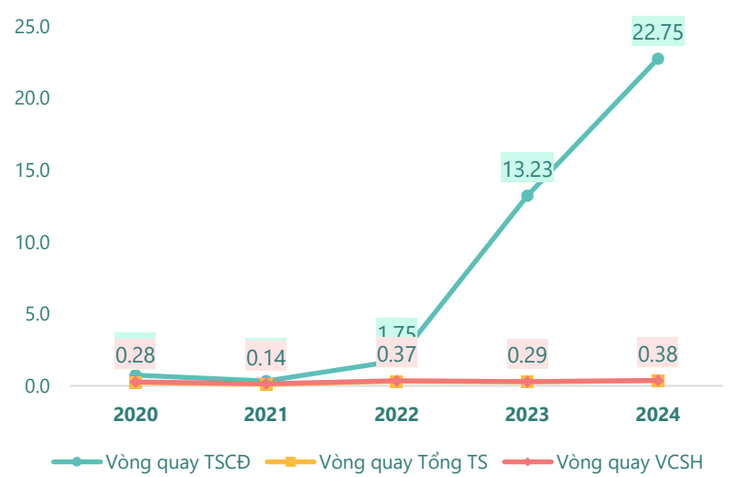
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



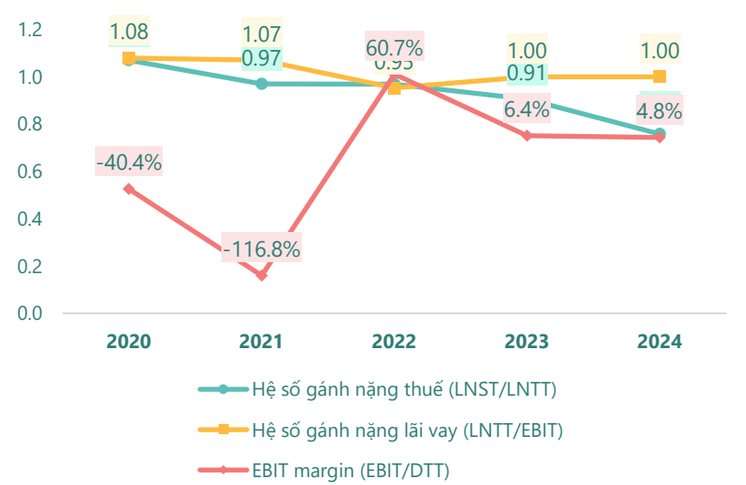
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



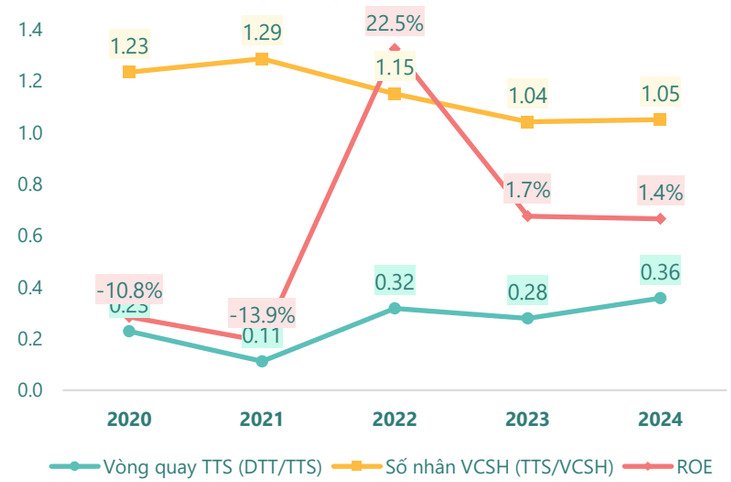
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



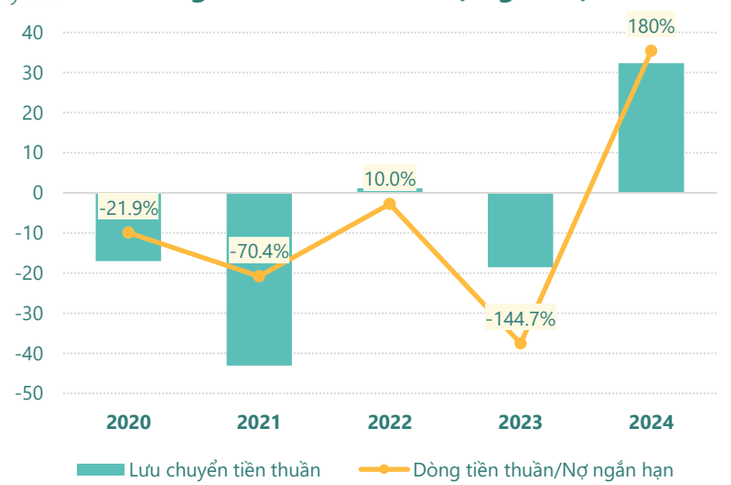
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**32.8**	**21.7**	**51.4%**	**123**	**94.3**	**30.6%**
Giá vốn hàng bán	23.9	17.7	35.2%	88.7	76.3	16.4%
Lợi nhuận gộp	8.91	3.98	124%	34.4	18.0	90.9%
Doanh thu HĐTC	1.68	2.32	-27.5%	9.14	11.2	-18.0%
Chi phí TC	-1.17	-1.09	-7.3%	-2.89	-2.24	-28.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**-2.74**	**1.53**	**-279%**	**-2.35**	**0.45**	**-620%**
Chi phí bán hàng	3.75	3.42	9.6%	16.3	12.3	32.1%
Chi phí QLDN	**6.21**	**3.37**	**84.2%**	**19.9**	**13.6**	**46.4%**
LN thuần từ HĐKD	-0.93	2.13	-144%	7.89	5.95	32.6%
Lợi nhuận khác	**-0.26**	**0.13**	**-300%**	**-1.93**	**0.11**	**-1937%**
LN trước thuế	-1.19	2.27	-152%	5.96	6.06	-1.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.97**	**2.25**	**-188%**	**4.52**	**5.49**	**-17.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.97**	**2.25**	**-188%**	**4.52**	**5.57**	**-18.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.30	-1.98	-6.60	0.93	11.4	-14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.2	-7.94	45.7	-19.9	49.9	-35.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-0.09	0	0	0	0.00
Tiền đầu kỳ	30.5	15.9	5.90	45.0	26.0	87.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-14.6**	**-10.0**	**39.1**	**-19.0**	**61.3**	**-49.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0.01	0.01	-0.06	0.10
Tiền cuối kỳ	15.9	5.90	45.0	26.0	87.3	38.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**349**	**340**	**2.5%**
Tài sản ngắn hạn	286	271	5.3%
Tiền và tương đương tiền	38.3	5.90	549%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89.3	86.3	3.5%
Phải thu ngắn hạn	151	173	-12.6%
Hàng tồn kho	5.24	4.27	22.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.79	2.09	-14.4%
Tài sản dài hạn	**63.0**	**68.8**	**-8.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.65	6.17	-24.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.89	1.82	-51.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	47.1	49.4	-4.7%
Tài sản dài hạn khác	**10.4**	**11.3**	**-8.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	19.0	13.9	36.4%
Nợ ngắn hạn	**18.0**	**12.8**	**40.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.77	5.44	61.1%
Nợ dài hạn	1.01	1.14	-11.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**330**	**326**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**330**	**326**	**1.1%**
Vốn điều lệ	197	197	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)